

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT, LOẠI ĐẤT NẪM TRONG CHỈ GIỚI THU HỒI (ĐỢT 5)**

**Dự án: Đường nối QL.37-QL.17-Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang.**

**Tuyến nhánh: Cải tạo, nâng cấp ĐT.294 đoạn từ ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tại xã Phúc Sơn, huyện**

**Địa điểm: Thôn Long Vân, thôn Cầm, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ- UBND ngày ...../4/2023 của UBND huyện Tân Yên)*

STT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Thông tin thửa đất theo bản đồ Địa chính			Thông tin thửa đất theo HSĐC, GCN			Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Ghi chú
			Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích (m2)	Số tờ	Số thửa	Diện tích		Tổng DT thu hồi (m2)	Đất UB (m2)	Diện tích đất hộ (m2)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14
1	Nguyễn Thị Lịch	Thôn Cầm	11	342	1904,8	2	5	1320	LUC	148,4	-	148,4	
2	Chúc Thị Bé - vợ (GCN: Nguyễn Văn Ấp)	Thôn Cầm	12	143	905,6	3	120	888	LUC	171,5	-	171,5	
3	Trần Thị Bình Trần Thắng Hương (UBND xã)	Thôn Cầm	11	378	149,8				LUC	31,9	31,9	0	
4	Ngô Văn Thịnh	Thôn Cầm	12	157	265,5	6	4	144	BHK (LUC)	24,4	-	24,4	
5	Nguyễn Văn Triệu	Thôn Cầm	11	310	1194,8	3	217	1200	MNC (LUC)	104,2	-	104,2	
6	Vi Văn Tước	Thôn Long Vân	34	195	59,0	11	71	360	BHK (LUC)	59	-	59	
	Vi Văn Tước	Thôn Long Vân	34	197	281,4				LUC	62	-	62	
<b>Tổng</b>		-	-	-	<b>4.760,9</b>	-	-	-	-	<b>601,4</b>	<b>31,9</b>	<b>569,5</b>	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TẠI XÃ PHÚC SƠN (ĐỢT 5)**

**Dự án: Đường nối QL.37-QL.17-Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang.**

**Tuyến nhánh: Cải tạo, nâng cấp ĐT.294 đoạn từ ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên.**

**Địa điểm: Thôn Long Vân, thôn Cẩm, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

*( Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ- UBND ngày ...../4/2023 của UBND huyện Tân Yên)*

STT	Chủ sử dụng đất	Thông tin thửa đất theo chính lý bản đồ Địa chính				Diện tích thu hồi (m2)			Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân						Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình	Hỗ trợ đất công ích cho UBND xã	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
		Số Tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Tổng DT thu hồi (m2)	Đất UBND xã (m2)	Đất của hộ (m2)	Bồi thường về đất 50.000d/m2	Bồi thường hoa màu trên đất 9.500d/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất 10.000d/m2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm =3 lần giá đất NN 150.000d/m2	Hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất công ích = 50% giá đất NN				
1	Nguyễn Thị Lịch	11	342	1904,8	LUC	148,4	-	148,4	7.420.000	1.409.800	1.484.000	22.260.000	-	32.573.800	-	32.573.800	
2	Chúc Thị Bé - vợ (GCN: Nguyễn Văn Ấp)	12	143	905,6	LUC	171,5	-	171,5	8.575.000	1.629.250	1.715.000	25.725.000	-	37.644.250	-	37.644.250	
3	Trần Thị Bình Trần Thắng Hương (UBND xã)	11	378	149,8	LUC	31,9	31,90	-	-	303.050	-	-	797.500	1.100.550	1.595.000	2.695.550	
4	Ngô Văn Thịnh	12	157	265,5	BHK (LUC)	24,4	-	24,4	1.220.000	-	244.000	3.660.000	-	5.124.000	-	5.124.000	
5	Nguyễn Văn Triệu	11	310	1194,8	MNC (LUC)	104,2	-	104,2	5.210.000	-	1.042.000	15.630.000	-	21.882.000	-	21.882.000	
6	Vi Văn Tước	34	195	59,0	BHK (LUC)	59	-	59,0	2.950.000	560.500	590.000	8.850.000	-	12.950.500	-	12.950.500	
	Vi Văn Tước	34	197	281,4	LUC	62	-	62,0	3.100.000	589.000	620.000	9.300.000	-	13.609.000	-	13.609.000	
<b>Tổng</b>		-	-	<b>4.760,9</b>	-	<b>601,4</b>	<b>31,9</b>	<b>569,5</b>	<b>28.475.000</b>	<b>4.491.600</b>	<b>5.695.000</b>	<b>85.425.000</b>	<b>797.500</b>	<b>124.884.100</b>	<b>1.595.000</b>	<b>126.479.100</b>	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TẠI XÃ PHÚC SƠN (ĐỢT 5)**

**Dự án: Đường nối QL.37-QL.17-Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang**

**Tuyến nhánh: Cải tạo, nâng cấp ĐT.294 đoạn từ ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên**

**Địa điểm: Thôn Đài Sơn, thôn Lữ Vân, thôn Cầm, thôn Mai Hoàng, thôn Long Vân, xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ- UBND ngày ...../4/2023 của UBND huyện Tân Yên)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích thu hồi	Loại tài sản, cây trồng được bồi thường, hỗ trợ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Mức hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=11*12*13	15	16
1	Nguyễn Văn Triệu	Thôn Cầm	11	310	1195	MNC (LUC)	104,2	Cây Keo đường kính gốc D1,3 từ trên 13-<20 cm	đ/cây	22	163.000	80%	2.868.800	17.977.920	
								Tường rào xây cày bê tông, dày 130mm, bổ trụ. Dài 22,7 m, cao 3,2 m.	đ/m <sup>2</sup>	73	260.000	80%	15.109.120		
2	Ngô Văn Thịnh	Thôn Cầm	12	157	265,5	BHK (LUC)	24,4	Cây Keo đường kính gốc D1,3 từ trên 13-<20 cm	đ/cây	15	163.000	80%	1.956.000	1.956.000	
<b>Tổng</b>			-	-	<b>1.460,5</b>	-	<b>128,6</b>	-	-	-	-	-	<b>19.933.920</b>	<b>19.933.920</b>	-

Căn cứ theo công văn số 1170/SNN-KHTC ngày 28/6/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng cuối năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ theo công văn số 1658/SXD-KT&VLXD ngày 29/6/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá bồi thường tài sản là nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.